

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhân Phái và ông Ngô Đức Bi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thế, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Cữu Thị L (Nguyễn Cữu Thị L), sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 5 thôn Hòa Mỹ, xã LB, huyện PL, tỉnh T. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Đình M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 5 thôn Hòa Mỹ, xã LB, huyện PL, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/4/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Cữu Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Cữu Thị L và anh Lê Đình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã LB, huyện PL, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, anh M không quan tâm và không có trách nhiệm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên đi chơi với bạn bè, nhậu nhẹt. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi nhau, không tôn trọng nhau. Nhiều lần anh M có đánh chị L. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng vẫn xảy ra và anh M không có sự thay đổi về tính tình. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Lê Diễm M1, sinh ngày 09/4/2015 và Lê Quỳnh TN, sinh

ngày 02/01/2018 đều do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị L yêu cầu Tòa án giao cả hai cháu M1, Nhi cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Cửu Thị L đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh 02 người con chung; bản sao chứng minh nhân dân Nguyễn Cửu Thị L; bản sao sổ hộ khẩu gia đình.

Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án, bị đơn là anh Lê Đình M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa anh với chị L như nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Trong một số lần xảy ra cãi vã, anh M vì quá tức giận nên có tát chị L. Khi xảy ra mâu thuẫn thì anh M đã đứng ra xin lỗi chị L, gia đình anh có đến gặp cha mẹ chị L để hòa giải nhưng không thành. Nay do tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh M không đồng ý ly hôn với chị L. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh M yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con chung cho đến khi trưởng thành 18 tuổi và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được nên đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn thay đổi ý kiến về việc nuôi con chung trong trường hợp vợ chồng ly hôn, cụ thể: Anh M hiện nay đi làm xa nên đồng ý giao cả hai người con chung cho chị Nguyễn Cửu Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, anh M không cấp dưỡng nuôi con.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai, mở

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Các văn bản tố tụng đều được tổng đạt hợp lệ cho đương sự. Tại các buổi hòa giải, đương sự không thể thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Cửu Thị L và anh Lê Đình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã LB, huyện PL, tỉnh T. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh M là hợp pháp.

Xét về quá trình hôn nhân giữa chị L và anh M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình sống chung, giữa hai người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự chia sẻ, tôn trọng lẫn nhau. Anh M thừa nhận có đánh chị L. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng đều không khắc phục được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Cửu Thị L, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Lê Đình M.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Xét thấy cả hai cháu Lê Diễm M1, sinh ngày 09/4/2015 và Lê Quỳnh TN, sinh ngày 02/01/2018 đều do một mình chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, trong đó cháu M1 có nguyện vọng được ở với chị L. Tại phiên tòa, anh M cũng đồng ý giao cả hai người con chung cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cả hai người con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì khi ly hôn, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trong các buổi làm việc, Tòa án đã giải thích nhưng chị Nguyễn Cửu Thị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con và cam đoan đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Cửu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82

và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Cữu Thị L. Chị Nguyễn Cữu Thị L được ly hôn anh Lê Đình M. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh Lê Đình M.

2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao cháu Lê Diễm M1, sinh ngày 09/4/2015 và cháu Lê Quỳnh TN, sinh ngày 02/01/2018 cho chị Nguyễn Cữu Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lê Đình M có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Đình M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Cữu Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002463 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh T. Chị Nguyễn Cữu Thị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Đương sự;
- UBND xã LB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

